

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 – 04 - 2022  
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Việt Quốc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phan Công Văn;
- Ông Nguyễn Thế Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 256/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 605/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày tháng năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 659/2022/QĐST-DS ngày tháng năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Trần Quốc K, sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang;

(Bà G có mặt, ông K có đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự K của bà Nguyễn Thị G; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị G và ông Trần Quốc K là do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 03/02/2017.

Theo bà G, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, do ông K thường không quan tâm vợ con và có lời lẽ xúc phạm bà G, đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không sửa đổi. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà G xin được ly hôn với ông K.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà G và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 11/10/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng bà G. Khi ly hôn bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến trình bày ông K: Ông K thống nhất lời trình bày bà G về điều kiện đi đến hôn nhân, cũng như mâu thuẫn vợ chồng thống nhất ly hôn theo yêu cầu bà G.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà G và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 11/10/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng bà G. Khi ly hôn ông K đồng ý để bà G được nuôi dạy con chung, ông K không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K không có mặt theo triệu tập của Tòa nên không tiến hành hòa giải.

Về tài liệu, chứng cứ:

Bà G giao nộp: Bản sao Giấy chứng kết hôn ngày 05/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang; Bản sao Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 11/10/2018; Quyết định đình chỉ số 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2021; Bản sao Sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn B; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị G.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Trần Quốc K, tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà G.

Theo cung cấp của ông Nguyễn Phước Y (cha của ông K) tại Biên bản xác minh ngày 25/02/2022 thì ông Nguyễn Phước Y có nhận các văn bản của Tòa án và có giao lại cho ông K. Ông Yên xác định giữa K và G có cự cãi, gia đình hai bên có hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời K của bà G, các biên bản xác minh.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Theo trình bày của bà G và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà G và ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị G với ông Trần Quốc K có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 201 ngày 05/10/2018. Ông Trần Quốc K đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại ấp Phước Hòa, xã Phước Hưng, huyện A, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông K vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà G xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm là do bất đồng quan điểm sống, ông K không quan tâm vợ con, thường kiếm chuyện vô cớ, sử dụng lời lẽ xúc phạm. Gia đình hai bên có khuyên ngăn nhưng ông K không sửa đổi nên cả hai không còn sống chung. Theo kết quả xác minh xác định được, trình bày của bà G là có căn cứ. Theo xác minh thì ông K có nhận được các văn bản của Tòa án, có biết việc bà G xin ly hôn nhưng ông K không có ý kiến. Điều này cho thấy ông K không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà G. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà G và ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà G và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 11/10/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng bà G. Khi ly hôn bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung. Ông K đồng ý để bà G nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận để cho bà G tiếp tục nuôi dạy con chung là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà G không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà G.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Về án phí, bà G là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; ông K không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị G,

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Trần Quốc K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 201 ngày 05/10/2018 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang cấp cho ông bà Nguyễn Thị G và ông Trần Quốc K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị G được tiếp tục nuôi dạy 01 tên Nguyễn Trần Hoàng A, sinh ngày 11/10/2018. Công nhận sự tự nguyện của bà G không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị G và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trần Quốc K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006633 ngày 23/11/2021. (Bà G đã nộp đủ).

Ông Trần Quốc K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/5/2022), bà Loan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của ông K là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện A (2);
- THADS huyện A (1);
- UBND xã P (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Mai Việt Quốc**